

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,  
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,  
thành phố Hà Nội  
Mã số DN: 0100106440

Số: 503/2018/LICOGI-CBTT

(V/v CBTT Báo cáo tài chính riêng  
giữa niên độ (đã được soát xét) năm  
2018 của Tổng công ty LICOGI-CTCP.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**  
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 043 8542 365  
Fax: 043 8542 655  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải  
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh  
Xuân, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 0905955896  
Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu  
☐ định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng giữa niên  
độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (đã được soát xét); Giải trình  
biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2018.

*(Có Báo cáo TC và giải trình kèm theo).*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào  
ngày 9/8/2018 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



**Phan Thanh Hải**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018  
(đã được soát xét)

## **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

### **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -06
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	07-49
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-49



## **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên
Ông Vũ Nguyên Vũ	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Dương Xuân Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/01/2018
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phùng Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/07/2018
Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2018
Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2018

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tổng Công ty.



## **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phan Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2018



Số: 080818.018/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP được lập ngày 05 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 060418.003 /BCTC.KT2 ngày 06 tháng 04 năm 2018 về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ vì các lý do sau đây:

#### *Số dư đầu năm liên quan đến phê duyệt kết quả cổ phần hóa*

1. Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về các phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, các số dư đầu năm tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của các số dư đầu năm tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.



*Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long*

2. Trong năm 2017, Tổng Công ty- Công ty mẹ đã ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn hàng bán đối với một số lô đất thuộc khu đô thị Nam Ga Hạ Long đã bàn giao cho khách hàng trên cơ sở nhận tiền của các lô đất này với giá trị doanh thu và giá vốn lần lượt là 16,7 tỷ đồng và 12,7 tỷ đồng, lợi nhuận là 4 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ hạch toán theo VAS 14 thì Doanh thu và giá vốn hàng bán tương ứng đối với các lô đất đã bàn giao trong năm là 19,9 tỷ đồng và 15,2 tỷ đồng, lợi nhuận là 4,7 tỷ đồng. Lỗ kế toán trước thuế trong năm sẽ giảm đi khoảng 0,7 tỷ đồng.

*Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt*

3. Trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào tài khoản đối ứng " Phải trả ngắn hạn khác" một khoản là 87,46 tỷ đồng . Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16 ), nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ ghi nhận theo VAS16, thì khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và khoản "phải trả ngắn hạn khác" tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 87,46 tỷ đồng.

4. Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng Công ty- Công ty mẹ dùng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16- chi phí đi vay (VAS16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "đầu tư vào công ty con", "phải thu ngắn hạn khác" và "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 liên quan đến dự án này hay không.

5. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228/TT-BTC). Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại TT228/TT-BTC thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và Lợi nhuận kế toán sau thuế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

*Các khoản phải trả*

6. Tổng Công ty- Công ty mẹ đang theo dõi các khoản công nợ phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước thuộc chi nhánh Licogi 2 với tổng giá trị đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 13,57 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 hay không.

7. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Tổng Công ty Lũng Lô (LCC) là 31,25 tỷ đồng (trong đó ở khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" là 0,54 tỷ đồng và ở khoản mục "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" là 30,71 tỷ đồng ). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận các khoản phải trả cho Xí nghiệp khai thác và chế biến đá xuất khẩu An Giang là 3,24 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 hay không.

Các vấn đề này vẫn chưa được Tổng Công ty khắc phục trong 6 tháng đầu năm 2018, nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Ngoài ra, số liệu liên quan đến dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2018 do Dự án này đã bàn giao sang cho Công ty con từ năm 2017.



Mặt khác, các vấn đề phát sinh trong 06 tháng đầu năm 2018 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

#### *Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước phát sinh trong năm 2018*

Tại thời điểm 30/06/2018, Chi nhánh Licogi 1 của Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa ghi nhận khoản lãi chậm nộp thuế do chậm thanh toán thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước với số tiền phạt chậm nộp theo ước tính của kiểm toán viên là 1,52 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty - Công ty mẹ ghi nhận bổ sung khoản tiền phạt chậm nộp thuế này thì tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2018 sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

#### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty - Công ty mẹ vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.337,53 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ là 392,88 tỷ đồng chiếm 44% vốn điều lệ của Tổng Công ty, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có sự sụt giảm lớn so với cùng kỳ. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Tổng Công ty - Công ty mẹ vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2018*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>786.565.263.787</b>	<b>786.345.852.085</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>39.785.403.241</b>	<b>2.863.611.860</b>
111	1. Tiền		39.785.403.241	2.863.611.860
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>330.000.000</b>	<b>330.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		330.000.000	330.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>683.593.350.409</b>	<b>708.332.229.194</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	432.031.936.347	488.281.767.891
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	55.512.384.672	53.008.557.165
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.600.000.000	1.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	296.660.116.635	268.406.820.187
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(102.211.087.245)	(102.964.916.049)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>44.929.148.266</b>	<b>55.113.185.126</b>
141	1. Hàng tồn kho		46.820.853.527	57.419.743.624
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.891.705.261)	(2.306.558.498)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>17.927.361.871</b>	<b>19.706.825.905</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		428.647.237	974.680.679
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.922.042.612	18.454.431.424
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	576.672.022	277.713.802
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.990.187.750.292</b>	<b>1.978.169.297.260</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>27.399.643.868</b>	<b>27.399.643.868</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	27.399.643.868	27.399.643.868
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>180.080.159.196</b>	<b>194.642.003.175</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	180.080.159.196	194.642.003.175
222	- Nguyên giá		455.701.882.555	455.701.882.555
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(275.621.723.359)	(261.059.879.380)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>15.757.050.578</b>	<b>15.569.696.032</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		4.589.571.314	4.589.571.314
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.167.479.264	10.980.124.718
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.763.076.513.110</b>	<b>1.734.472.504.163</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.413.928.903.459	1.413.928.903.459
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		356.264.586.000	327.935.990.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		57.332.477.208	57.332.477.208
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(64.449.453.557)	(64.724.866.504)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.874.383.540</b>	<b>6.085.450.022</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	3.874.383.540	6.085.450.022
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.776.753.014.079</b>	<b>2.764.515.149.345</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.269.633.331.568</b>	<b>2.259.995.294.863</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.124.102.757.471</b>	<b>2.018.551.509.645</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	538.624.777.329	582.711.071.508
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	47.488.005.769	56.256.810.549
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	43.740.088.009	43.909.201.636
314	4. Phải trả người lao động		8.177.147.501	9.129.449.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	112.284.401.602	126.790.524.904
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	360.289.876.306	364.798.579.212
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.013.252.683.429	834.668.894.623
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		245.777.526	286.977.526
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>145.530.574.097</b>	<b>241.443.785.218</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.309.379.443	1.598.044.056
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	144.221.194.654	239.845.741.162
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>507.119.682.511</b>	<b>504.519.854.482</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>507.119.682.511</b>	<b>504.519.854.482</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(392.880.317.489)	(395.480.145.518)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(395.480.145.518)	(293.402.536.085)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		2.599.828.029	(102.077.609.433)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.776.753.014.079</b>	<b>2.764.515.149.345</b>

Trần Thị Thu Hằng  
Người lậpNguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2018



## TỔNG CÔNG TY LICOGLI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	79.095.038.464	165.706.194.230
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.095.038.464	165.706.194.230
11	4. Giá vốn hàng bán	24	79.470.192.364	156.645.058.755
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(375.153.900)	9.061.135.475
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	78.554.610.337	54.389.043.520
22	7. Chi phí tài chính	26	48.008.028.879	49.564.972.682
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		48.283.441.826	46.118.394.343
25	8. Chi phí bán hàng		-	13.311.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	18.649.094.245	20.853.770.522
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.522.333.313	(6.981.875.209)
31	11. Thu nhập khác		-	15.363.304.315
32	12. Chi phí khác	28	8.922.505.284	8.615.362.001
40	13. Lợi nhuận khác		(8.922.505.284)	6.747.942.314
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.599.828.029	(233.932.895)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	716.354.028
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.599.828.029</u>	<u>(950.286.923)</u>

Trần Thị Thu Hằng  
Người lập

Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2018



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.599.828.029	(233.932.895)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.561.843.979	15.728.853.790
03	- Các khoản dự phòng		(1.444.094.988)	(40.717.639.618)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(134.668.726)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(78.553.230.486)	(69.606.368.917)
06	- Chi phí lãi vay		48.283.441.826	46.118.394.343
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(14.552.211.640)	(48.845.362.023)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		25.692.361.834	101.235.510.746
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		10.598.890.097	3.546.013.395
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(66.861.195.653)	229.797.569.839
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.757.099.924	849.310.822
14	- Tiền lãi vay đã trả		(54.669.407.766)	(37.863.516.990)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(2.000.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		390.842.547	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.044.000)	(1.953.300.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(96.717.664.657)	244.766.225.789
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(187.354.546)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(29.329.643.868)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	13.745.171.770
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(28.328.596.000)	(285.000.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		79.196.164.286	1.400.604.194
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		50.680.213.740	(299.183.867.904)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		425.843.441.296	478.146.310.096
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(342.884.198.998)	(491.855.001.559)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		82.959.242.298	(13.708.691.463)



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

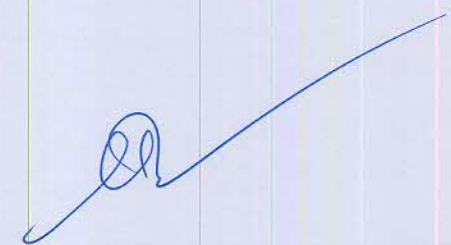
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		36.921.791.381	(68.126.333.578)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.863.611.860	72.255.913.297
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>39.785.403.241</u>	<u>4.129.579.719</u>



Trần Thị Thu Hằng  
Người lập



Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 900.000.000.000 đồng; tương đương 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, burl điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đầu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Cấu trúc doanh nghiệp****Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Văn phòng Tổng Công ty

**Địa chỉ**

Hà Nội

**Hoạt động kinh doanh chính**

Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng.

Chi nhánh LICOGI Số 1

Hà Nội

Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng.

Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI

Hà Nội

Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty- Công ty mẹ lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần từ ngày 31/12/2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, Tổng Công ty chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015. Do vậy, các số dư tại ngày 01/01/2016 có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Điều này cũng làm ảnh hưởng đến số dư đầu năm tại ngày 01/01/2018.



## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Tại ngày 30/06/2018, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty - Công ty mẹ vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.337,54 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ là 392.880.317.489 đồng chiếm 44% vốn điều lệ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có dấu hiệu sụt giảm lớn so với cùng kỳ. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty - Công ty mẹ tin tưởng rằng Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại đồng cổ đông thường niên năm 2017 và năm 2018, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty - Công ty mẹ

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.



**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

**2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



**2.17 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.



*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

### **2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### **b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

### **2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### **2.22 . Thông tin bộ phận**

Do đặc thù của Tổng Công ty - Công ty mẹ là hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đồng thời toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tổng Công ty- Công ty mẹ không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.245.446.693	287.961.560
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.539.956.548	2.575.650.300
	<b>39.785.403.241</b>	<b>2.863.611.860</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	330.000.000	330.000.000	330.000.000	330.000.000
	<b>330.000.000</b>	<b>330.000.000</b>	<b>330.000.000</b>	<b>330.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng số 20/7030/HĐ-LICOGI-THN ngày 01/03/2017 với kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất cố định 6,8%/năm.



**TỔNG CÔNG TY LICOI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư góp vốn vào công ty con và Công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>1.413.928.903.459</b>	<b>(44.950.137.241)</b>	<b>1.413.928.903.459</b>	<b>(45.921.644.788)</b>
- Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	34.476.838.106	-	34.476.838.106	-
- Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	300.945.730.000	-	300.945.730.000	-
- Công ty CP Tư vấn Licogi	2.880.000.000	-	2.880.000.000	-
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	38.178.368.992	-	38.178.368.992	-
- Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	16.855.532.723	(2.211.262.235)	16.855.532.723	(5.912.021.575)
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	10.098.113.914	-	10.098.113.914	-
- Công ty CP Licogi 15	6.593.800.000	(6.593.800.000)	6.593.800.000	(6.593.800.000)
- Công ty CP Licogi 17	10.393.670.213	(789.403.196)	10.393.670.213	(566.823.213)
- Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	22.571.500.000	(22.571.500.000)	22.571.500.000	(22.571.500.000)
- Công ty CP Lắp máy Điện nước - Licogi	10.277.500.000	(10.277.500.000)	10.277.500.000	(10.277.500.000)
- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOI	900.000.000.000	-	900.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOI 2 (Licogi 2)	60.657.849.511	(2.506.671.810)	60.657.849.511	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>356.264.586.000</b>	<b>(2.087.681.959)</b>	<b>327.935.990.000</b>	<b>(2.087.681.959)</b>
- Công ty CP Thủy điện Bắc Hà (*)	301.991.630.000	(2.087.681.959)	297.436.870.000	(2.087.681.959)
- Công ty CP Licogi 14 (**)	52.372.956.000	-	28.599.120.000	-
- Công ty CP Licogi 19	1.900.000.000	-	1.900.000.000	-

(\*) Theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư, Công ty CP Thủy điện Bắc Hà bắt đầu có lãi từ năm 2015 và đến hết năm 2019 sẽ bù đắp hết lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán. Tổng công ty - Công ty mẹ chưa trích lập dự phòng bổ sung vào Công ty CP Thủy điện Bắc Hà do Công ty này vẫn đang trong thời gian lỗ kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Tổng công ty thực hiện góp thêm bằng tiền 4.554.760.000 tỷ đồng vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, nâng vốn điều lệ của Công ty liên kết lên 660.000.000.000 tỷ đồng.

(\*\*) Trong 6 tháng đầu năm 2018, Tổng công ty thực hiện góp thêm bằng tiền 23.773.836.000 tỷ đồng vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Licogi 14, nâng vốn điều lệ của Công ty liên kết lên 165.698.919.000 tỷ đồng.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>57.332.477.208</b>	<b>(17.411.634.357)</b>	<b>57.332.477.208</b>	<b>(16.715.539.757)</b>
- Công ty CP Licogi 12 (Mã CK L12)	5.967.000.000	(2.207.790.000)	5.967.000.000	(2.565.810.000)
- Công ty CP Licogi 13 (Mã CK LIG)	25.001.671.600	(14.131.379.600)	25.001.671.600	(13.587.865.000)
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 (Mã CK L18)	10.530.000.000	-	10.530.000.000	-
- Công ty CP Thủy điện Đắkdrinh	13.753.805.608	-	13.753.805.608	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (Mã CK PXL)	780.000.000	(600.600.000)	780.000.000	(90.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	1.000.000.000	(214.496.656)	1.000.000.000	(214.496.656)
- Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	(257.368.101)	300.000.000	(257.368.101)
	<b>1.827.525.966.667</b>	<b>(64.449.453.557)</b>	<b>1.799.197.370.667</b>	<b>(64.724.866.504)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Thành phố Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Thành phố Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Thành phố Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Thành phố Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Tỉnh Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Tỉnh Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Thành phố Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước - Licogi	Thành phố Hà Nội	89,92%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (Licogi 2)	Tỉnh Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2018 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Licogi 14	Tỉnh Phú Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 19	Thành phố Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 34.**



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
 Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Licogi 12 (Mã CK L12)	Thành phố Hà Nội	8,85%	8,85%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 13 (Mã CK LIG)	Thành phố Hà Nội	6,23%	6,23%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 (Mã CK L18)	Thành phố Hà Nội	18,75%	18,75%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Thủy điện Đắkđrinh	Tỉnh Quảng Ngãi	1,35%	1,35%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (Mã CK PXL)	Thành phố Hồ Chí Minh	0,09%	0,09%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG****a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<u>30/06/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban quản lý dự án thủy điện 1	113.203.616.317	-	146.650.212.125	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkđrinh	81.688.113.972	-	76.569.785.955	-
Ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Sơn La	36.657.212.638	-	39.981.066.639	-
Ban quản lý dự án thủy điện 3	13.481.426.654	-	13.481.426.654	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Phải thu khách hàng khác	165.739.971.927	(21.614.782.818)	190.337.681.679	(22.368.611.622)
	<u>432.031.936.347</u>	<u>(42.876.377.657)</u>	<u>488.281.767.891</u>	<u>(43.630.206.461)</u>

**b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<u>3.675.412.295</u>	<u>-</u>	<u>40.155.351.377</u>	<u>-</u>
--	----------------------	----------	-----------------------	----------

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Licogi 15	9.848.239.102	-	9.898.239.102	-
Công ty CP lắp máy điện nước - Licogi	35.474.731.983	-	31.835.294.509	-
Trả trước cho người bán khác	10.189.413.587	(4.858.518.562)	11.275.023.554	(4.858.518.562)
	<b>55.512.384.672</b>	<b>(4.858.518.562)</b>	<b>53.008.557.165</b>	<b>(4.858.518.562)</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>45.322.971.085</b>	<b>(440.835.303)</b>	<b>45.429.323.188</b>	<b>(440.835.303)</b>

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Lắp máy điện nước - Licogi <sup>(1)</sup>	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-
	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi <sup>(2)</sup>	27.399.643.868	-	27.399.643.868	-
	<b>27.399.643.868</b>	<b>-</b>	<b>27.399.643.868</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25-04-2017 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 1.600.000.000 đồng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.600.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty CP cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMĐN/CKĐA ngày 19/04/2017.

(2) Bao gồm các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa Tổng công ty và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 27.399.643.868 đồng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 28 tháng;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: từ nguồn thu của dự án và nguồn thu khác.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ phần hóa	9.031.340.656	(3.624.299.293)	9.422.183.203	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.581.577.100	-	15.224.510.900	-
Phải thu người lao động	4.881.408.412	-	4.881.408.412	-
Tạm ứng	25.392.408.044	(17.746.813.668)	32.855.354.291	(18.154.097.561)
Ký cược, ký quỹ	107.591.907	-	93.629.007	-
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (*)	167.010.071.144	-	109.477.706.992	-
Tạm ứng cho các bên liên quan khác	24.654.622.771	(713.413.162)	15.803.724.934	(713.413.162)
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	25.493.403.949	(25.493.403.949)
Phải thu tạm ứng Công ty Licogi 2	11.506.162.811	-	37.959.881.189	-
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(6.079.942.000)	6.079.942.000	(6.079.942.000)
Phải thu khác	7.921.587.841	(818.318.954)	11.115.075.310	(411.035.061)
	<b>296.660.116.635</b>	<b>(54.476.191.026)</b>	<b>268.406.820.187</b>	<b>(54.476.191.026)</b>

(\*) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án khu đô thị mới thịnh liệt và các khoản Tổng Công ty tạm ứng cho Công ty con để thực hiện dự án này.

**b) Phải thu khác là các bên liên quan**

	<b>207.716.047.522</b>	<b>(4.337.712.455)</b>	<b>168.177.346.458</b>	<b>(4.337.712.455)</b>
--	------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**10 . NỢ XẤU**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty CP Phát triển & Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	4.449.989.593	-
- Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	-	3.695.789.577	-
- Ban điều hành Licogi tại nhà máy CNTT Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Công ty Cổ phần Licogi 19-tiền cổ phần hóa	3.624.299.293	-	3.624.299.293	-
- Phải thu dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.219.131.624	139.189.624	6.219.131.624	139.189.624
- Các khoản khác	48.522.298.557	10.916.230.563	51.468.590.070	13.108.693.272
	<b>113.266.507.432</b>	<b>11.055.420.187</b>	<b>116.212.798.945</b>	<b>13.247.882.896</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.518.035.335	(867.221.325)	1.515.458.915	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	41.104.857.156	-	51.345.210.179	-
Thành phẩm	3.567.933.346	(1.024.483.936)	3.929.046.840	(1.439.337.173)
	<b>46.820.853.527</b>	<b>(1.891.705.261)</b>	<b>57.419.743.624</b>	<b>(2.306.558.498)</b>

(\*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Dự án 423 Minh Khai	2.598.126.056	1.015.486.336
- Dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM - Ba Sơn	13.074.587.899	21.653.526.636
- Dự án Đại học quốc gia - Tuyến số 3	13.385.849.544	13.385.849.544
- Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Gói 10	3.492.064.830	2.117.012.858
- Trụ sở làm việc Tổng liên đoàn LĐ VN	2.415.292.048	2.520.898.133
- Các dự án khác	6.138.936.779	10.652.436.672
	<b>41.104.857.156</b>	<b>51.345.210.179</b>



## 12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

## a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 <sup>(1)</sup>	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	<u>4.589.571.314</u>	<u>4.589.571.314</u>	<u>4.589.571.314</u>	<u>4.589.571.314</u>

*Ghi chú:*

(1) Đây là phần chi phí ban đầu để triển khai dự án, chưa có khối lượng thi công. Tổng công ty- Công ty mẹ đang trong quá trình chuyển giao chủ đầu tư mới.

## b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (2)	9.671.801.536	9.647.644.263
- Công trình khác	1.495.677.728	1.332.480.455
	<u>11.167.479.264</u>	<u>10.980.124.718</u>

(2) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m<sup>2</sup>) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m<sup>2</sup>) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	37.216.864.137	394.361.273.824	22.494.228.695	1.629.515.899	455.701.882.555
- Phân loại lại	49.696.110	(49.696.110)	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>37.266.560.247</b>	<b>394.311.577.714</b>	<b>22.494.228.695</b>	<b>1.629.515.899</b>	<b>455.701.882.555</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	29.769.223.430	210.593.987.286	19.588.820.180	1.107.848.484	261.059.879.380
- Khấu hao trong kỳ	1.034.021.690	12.973.236.363	505.952.809	48.633.117	14.561.843.979
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.803.245.120</b>	<b>223.567.223.649</b>	<b>20.094.772.989</b>	<b>1.156.481.601</b>	<b>275.621.723.359</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	7.447.640.707	183.767.286.538	2.905.408.515	521.667.415	194.642.003.175
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>6.463.315.127</b>	<b>170.744.354.065</b>	<b>2.399.455.706</b>	<b>473.034.298</b>	<b>180.080.159.196</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 157.966.833.534 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 44.240.319.331 đồng.



**TỔNG CÔNG TY LICOI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa (*)	1.588.828.392	3.177.662.392
Công cụ dụng cụ xuất dùng	820.839.183	1.618.612.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.464.715.965	1.289.175.130
	<b>3.874.383.540</b>	<b>6.085.450.022</b>

(\*) Theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được thực hiện bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam ngày 27/01/2013, giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng công ty - Công ty mẹ tại ngày 31/12/2012 được xác định là 9.532.998.470 đồng. Giá trị lợi thế kinh doanh này được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 03 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	60.289.551.959	60.289.551.959	59.968.090.425	59.968.090.425
Công ty Cổ phần LICOI 13	117.600.325.523	117.600.325.523	120.267.812.332	120.267.812.332
Công ty Cổ phần LICOI 16	44.849.371.033	44.849.371.033	44.385.573.178	44.385.573.178
Công ty Cổ phần LICOI 17	42.729.785.379	42.729.785.379	46.475.320.717	46.475.320.717
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.1	24.247.058.959	24.247.058.959	23.511.719.988	23.511.719.988
Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và xây dựng 20	25.394.207.794	25.394.207.794	27.541.532.396	27.541.532.396
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	20.853.456.225	20.853.456.225	28.729.553.757	28.729.553.757
Phải trả người bán ngắn hạn khác	202.661.020.457	202.661.020.457	231.831.468.715	231.831.468.715
	<b>538.624.777.329</b>	<b>538.624.777.329</b>	<b>582.711.071.508</b>	<b>582.711.071.508</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (*)</b>	<b>155.382.055.544</b>	<b>155.382.055.544</b>	<b>194.676.622.666</b>	<b>194.676.622.666</b>

(\*) Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô- Dự án đê chắn sóng Dung Quất	30.707.123.540	30.707.123.540
Người mua trả tiền trước khác	16.780.882.229	25.549.687.009
	<b>47.488.005.769</b>	<b>56.256.810.549</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	277.713.802	13.165.622.214	-	298.958.220	576.672.022	13.165.622.214
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.012.866.289	-	-	-	1.012.866.289
Thuế Thu nhập cá nhân	-	288.618.932	134.382.212	249.463.837	-	173.537.307
Thuế Tài nguyên	-	258.628.901	236.239.500	234.461.002	-	260.407.399
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	12.915.000	274.820.012	274.820.012	-	12.915.000
Thuế bảo vệ môi trường	-	128.040.500	235.011.510	290.822.010	-	72.230.000
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	29.042.509.800	-	-	-	29.042.509.800
	<b>277.713.802</b>	<b>43.909.201.636</b>	<b>884.453.234</b>	<b>1.352.525.081</b>	<b>576.672.022</b>	<b>43.740.088.009</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	20.217.913.050	26.603.878.990
- Công trình Thủy điện Suối Chăn 2	26.843.712.405	26.843.712.405
- Công trình Đại học quốc gia	16.679.035.860	16.679.035.860
- Dự án 20 Cộng Hòa Hồ Chí Minh	6.823.705.099	6.823.705.099
- Công trình Thủy điện Bàn Chát	6.870.070.258	6.681.750.223
- Công trình Thủy điện Lai Châu	4.703.900.410	5.956.575.456
- Các công trình xây dựng và các khoản khác	15.920.122.922	15.444.364.671
- Chi phí phải trả khác	14.225.941.598	21.757.502.200
	<b>112.284.401.602</b>	<b>126.790.524.904</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.724.030.105	1.659.945.553
- Bảo hiểm xã hội	7.893.178.914	8.032.505.267
- Bảo hiểm y tế	726.075.900	662.966.156
- Bảo hiểm thất nghiệp	890.506.921	745.603.831
- Phải trả về cổ phần hoá Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (1)	9.439.109.761	9.471.953.761
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (2)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	87.498.564.715	87.498.564.715
- Công ty CP Thủy điện Đakdrinh	15.805.008.945	15.805.008.945
- Công ty CP Thủy điện Đakdrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
- Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (3)	165.000.000.000	165.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.935.582.904	14.544.212.843
	<b>360.289.876.306</b>	<b>364.798.579.212</b>

(1) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty- Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty- Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(2) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty- Công ty mẹ đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt và ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả ngắn hạn khác số tiền là 87,4 tỷ đồng.

(3) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng công ty - Công ty mẹ để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương. Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương vẫn đang thực hiện các công việc như trong hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.



**TỔNG CÔNG TY LICOI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>834.668.894.623</b>	<b>834.668.894.623</b>	<b>511.988.762.871</b>	<b>333.404.974.065</b>	<b>1.013.252.683.429</b>	<b>1.013.252.683.429</b>
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	395.061.770.096	395.061.770.096	220.209.859.678	174.987.499.617	440.284.130.157	440.284.130.157
- Vay ngắn hạn bên thứ ba	175.968.794.777	175.968.794.777	97.910.919.000	19.798.001.673	254.081.712.104	254.081.712.104
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOI	70.540.727.778	70.540.727.778	46.000.000.000	45.161.996.821	71.378.730.957	71.378.730.957
- Vay dài hạn đến hạn trả	193.097.601.972	193.097.601.972	147.867.984.193	93.457.475.954	247.508.110.211	247.508.110.211
	<b>834.668.894.623</b>	<b>834.668.894.623</b>	<b>511.988.762.871</b>	<b>333.404.974.065</b>	<b>1.013.252.683.429</b>	<b>1.013.252.683.429</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	432.943.343.134	432.943.343.134	61.722.662.618	102.936.700.887	391.729.304.865	391.729.304.865
	<b>432.943.343.134</b>	<b>432.943.343.134</b>	<b>61.722.662.618</b>	<b>102.936.700.887</b>	<b>391.729.304.865</b>	<b>391.729.304.865</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(193.097.601.972)	(193.097.601.972)	(147.867.984.193)	(93.457.475.954)	(247.508.110.211)	(247.508.110.211)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>239.845.741.162</b>	<b>239.845.741.162</b>			<b>144.221.194.654</b>	<b>144.221.194.654</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và bên liên quan**

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2018 (VND)
<b>I</b>	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm</b>						<b>68.397.285.728</b>
1	Số 3120-LAV-201701607	110.000.000.000	Thả nổi	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản cố định	68.397.285.728
<b>II</b>	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội</b>						<b>63.198.731.869</b>
1	Số 1480-LAV-201600304	50.000.000.000	Thả nổi	9 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo	49.698.731.869
2	Số 1480-LAV-201500281	14.000.000.000	9,5%/năm	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty	13.500.000.000
<b>III</b>	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ</b>						<b>9.082.909.512</b>
1	Số 1056-LAV-201700293	10.000.000.000	9,5%/năm	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng quyền khai thác mỏ đá vôi và một số tài sản khác	9.082.909.512
<b>IV</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</b>						<b>299.805.203.168</b>
2	Số 01/2017/134627/HĐTD	550.000.000.000	Thả nổi	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bằng 2.717.573 cổ phiếu Công ty CP Licogi 13; 10.009.700 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi và một số tài sản cố định khác	299.805.203.168

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và bên liên quan**

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2018 (VND)
<b>IV</b>	<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI</b>						<b>71.378.730.957</b>
1	Số 2509/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 25/09/2017 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 2509/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 29/06/2018	61.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày 29/06/2018 theo phụ lục hợp đồng gia hạn	Bổ sung vốn lưu động	Quyền hưởng cổ tức năm 2017 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - và số cổ phần tại Công ty Cổ phần LICOGI 14 mà Tổng Công ty LICOGI - CTCP sở hữu theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 03/2017/134677 ngày 25/09/2017 và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP	45.378.730.957
2	Số 20.06/2018/HĐVV/LICOGI-CKDA ngày 20/06/2018	6.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay	Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác	Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP	6.000.000.000
3	số 3105/2018/HĐVV/LICOGI-CKDA ngày 31/05/2018	20.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay	Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác	Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCP	20.000.000.000



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn các ngân hàng**

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2018	Nợ phải trả tới ngày 30/06/2019
<b>I Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</b>							<b>42.357.102.316</b>	<b>12.964.000.000</b>
1	Số 02/2015/134627/HĐTD	49.108.000.000	Thả nổi	60 tháng	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án	12.421.260.000	4.964.000.000
2	Số 01/2013/HĐTD	88.982.600.000	Thả nổi	96 tháng	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự được hình thành trong tương lai; số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác; doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng.	29.935.842.316	8.000.000.000
<b>II Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</b>							<b>349.372.202.549</b>	<b>234.544.110.211</b>
1	Hợp đồng vay trung hạn và các khế ước nhận nợ	538.306.843.456	Thả nổi	60 tháng	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đã hình thành và hình thành trong tương lai.	349.372.202.549	234.544.110.211



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay bên thứ ba**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TĐSD-LICOGI ký ngày 30/12/2011 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng cho mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Khoản vay này đã đáo hạn. Số dư nợ gốc tính đến ngày 30/06/2018 là 17.815.763.516 đồng.
- (2) Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty - Công ty mẹ để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty - Công ty mẹ hoặc triển khai đầu tư các dự án xây dựng (Dự án KĐTMT Thịnh Liệt). Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty - Công ty mẹ vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9,5%/năm. Số dư nợ gốc tính đến thời điểm 30/06/2018 là 63.265.948.588 đồng;
- (3) Hợp đồng vay số 01/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU kí ngày 22/12/2017 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng công ty- Công ty mẹ. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại ngày ký hợp đồng là 8%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/06/2018 là 79.000.000.000 tỷ đồng.
- (4) Hợp đồng vay số 33\_2018/HĐV\_LICOGI kí ngày 31/05/2018 và hợp đồng vay số 34\_2018/HĐV\_LICOGI kí ngày 15/06/2018 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và công ty TNHH HAKUBA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường, với thời hạn vay hợp đồng lần lượt là từ ngày 31/05/2018 đến ngày 30/08/2018 và từ ngày 15/06/2018 đến ngày 31/08/2018. Lãi suất vay tại ngày kí hợp đồng là 14%/năm. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà phát hành. Giá trị cổ phiếu thế chấp là 80.000.000.000 đồng Số dư nợ vay đến thời điểm 30/06/2018 của hai hợp đồng lần lượt là 40.000.000.000 đồng và 10.000.000.000 đồng.
- (5) Hợp đồng vay số 304\_2018/HĐV\_LICOGI kí ngày 31/05/2018 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ vào tài khoản cho Tổng công ty- công ty mẹ. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng công ty- Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay tại ngày kí hợp đồng là 8,5 %/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/06/2018 là 20.000.000.000 đồng.
- (6) Hợp đồng vay số 37\_2018/HĐV\_LICOGI kí ngày 29/06/2018 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV YAMAGATA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 29/06/2018 đến ngày 31/08/2018. Tài sản đảm bảo là 8.000.000.000 cổ phiếu phổ thông được tự do chuyển nhượng và giao dịch do công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi phát hành. Giá trị cổ phiếu là 126.400.000.000 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm. Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2018 là 24.000.000.000 đồng.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(293.402.536.085)	606.597.463.915
Lỗ trong kỳ trước	-	(950.286.923)	(950.286.923)
Số dư cuối kỳ trước	900.000.000.000	(294.352.823.008)	605.647.176.992
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	(395.480.145.518)	504.519.854.482
Lãi trong kỳ này	-	2.599.828.029	2.599.828.029
Số dư cuối kỳ này	900.000.000.000	(392.880.317.489)	507.119.682.511

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bộ Xây dựng	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	22,24%	200.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	2,05%	18.464.210.000
	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	900.000.000.000	900.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	900.000.000.000	900.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	89.469.600	89.469.600
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	530.400	530.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	89.469.600	89.469.600
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	530.400	530.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003 Diện tích khu đất thuê là 1.928 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2,21	2,21
- Đồng Euro (EUR)	89,49	94,99
- Đồng Yên Nhật (JPY)	104.995,00	105.940,00

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	6.603.385.524	12.167.754.562
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.970.528.440	2.995.840.962
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	16.711.930.055
Doanh thu hợp đồng xây dựng	70.521.124.500	133.830.668.651
	<b>79.095.038.464</b>	<b>165.706.194.230</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	16.443.706.500	8.742.776.221

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	10.382.227.322	13.804.080.180
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.291.399.053	841.321.516
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	12.706.916.017
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	68.211.419.226	129.292.741.042
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(414.853.237)	-
	<b>79.470.192.364</b>	<b>156.645.058.755</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.186.536.485	1.400.604.194
Cổ tức, lợi nhuận được chia	69.366.694.001	52.853.770.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.379.851	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	134.668.726
	<b>78.554.610.337</b>	<b>54.389.043.520</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Lãi tiền vay	48.283.441.826	46.118.394.343
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(275.412.947)	3.446.578.339
	<b>48.008.028.879</b>	<b>49.564.972.682</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	966.437.200	672.877.871
Chi phí nhân công	11.353.791.761	13.477.793.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.340.856.413	2.630.881.532
Thuế, phí, lệ phí	617.246.512	532.134.895
Hoàn nhập dự phòng	(753.828.804)	(1.537.377.850)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.006.710	-
Chi phí khác bằng tiền	4.073.584.453	5.077.460.500
	<b>18.649.094.245</b>	<b>20.853.770.522</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Các khoản bị phạt	147.345.684	1.905.567.864
Khấu hao tài sản đang dừng hoạt động	8.775.159.600	6.034.185.521
Chi phí khác	-	675.608.616
	<b>8.922.505.284</b>	<b>8.615.362.001</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.599.828.029	(233.932.895)
Các khoản điều chỉnh tăng	14.521.174	-
- Chi phí không hợp lệ	14.521.174	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(69.366.694.001)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(69.366.694.001)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(66.752.344.798)	(233.932.895)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại chính nhánh Licogi 2 trong 5 tháng đầu năm 2017		716.354.028
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>716.354.028</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.012.866.289	3.761.593.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(2.000.000.000)
Giảm do chuyển chi nhánh licogi 2 thành công ty con		(1.465.080.949)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1.012.866.289</b>	<b>1.012.866.289</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.028.626.151	48.930.846.917
Chi phí nhân công	14.161.556.431	27.568.232.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.786.684.379	15.728.853.790
Dự phòng phải thu khó đòi	(753.828.804)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.839.662.319	88.366.460.989
Chi phí khác bằng tiền	8.869.972.853	14.961.359.419
	<b>87.932.673.329</b>	<b>195.555.754.090</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		30/06/2018		01/01/2018	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.785.403.241		-	2.863.611.860	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	728.692.052.982		(97.352.568.683)	756.688.588.078	(98.106.397.487)
Các khoản cho vay	29.659.643.868		-	29.329.643.868	-
Đầu tư dài hạn	42.278.671.600		(16.939.769.600)	42.278.671.600	(16.243.675.000)
	<b>840.415.771.691</b>		<b>(114.292.338.283)</b>	<b>831.160.515.406</b>	<b>(114.350.072.487)</b>

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay và nợ		1.157.473.878.083	1.074.514.635.785
Phải trả người bán, phải trả khác		898.914.653.635	947.509.650.720
Chi phí phải trả		112.284.401.602	126.790.524.904
		<b>2.168.672.933.320</b>	<b>2.148.814.811.409</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Đầu tư dài hạn	-	25.338.902.000	-	25.338.902.000
	-	<b>25.338.902.000</b>	-	<b>25.338.902.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Đầu tư dài hạn	-	26.034.996.600	-	26.034.996.600
	-	<b>26.034.996.600</b>	-	<b>26.034.996.600</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.785.403.241	-	-	39.785.403.241
Phải thu khách hàng, phải thu khác	631.339.484.299	-	-	631.339.484.299
Các khoản cho vay	29.659.643.868	25.338.902.000	-	54.998.545.868
	<u><b>700.784.531.408</b></u>	<u><b>25.338.902.000</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>726.123.433.408</b></u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.863.611.860	-	-	2.863.611.860
Phải thu khách hàng, phải thu khác	658.582.190.591	-	-	658.582.190.591
Các khoản cho vay	29.329.643.868	26.034.996.600	-	55.364.640.468
	<u><b>690.775.446.319</b></u>	<u><b>26.034.996.600</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>716.810.442.919</b></u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	1.013.252.683.429	144.221.194.654	-	1.157.473.878.083
Phải trả người bán, phải trả khác	898.914.653.635	-	-	898.914.653.635
Chi phí phải trả	112.284.401.602	-	-	112.284.401.602
	<u><b>2.024.451.738.666</b></u>	<u><b>144.221.194.654</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>2.168.672.933.320</b></u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	834.668.894.623	239.845.741.162	-	1.074.514.635.785
Phải trả người bán, phải trả khác	947.509.650.720	-	-	947.509.650.720
Chi phí phải trả	126.790.524.904	-	-	126.790.524.904
	<u><b>1.908.969.070.247</b></u>	<u><b>239.845.741.162</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>2.148.814.811.409</b></u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**32 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ**

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty - Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện dự án đề chấn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp. Theo bản án số 15/2017/KDTM-ST ngày 14/09/2017 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty - Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/09/2017 Tổng Công ty - Công ty mẹ đã làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên và đang chờ các bên liên quan giải quyết.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thì Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ mọi trách nhiệm quy định trong hợp đồng ký kết với Công ty Lũng Lô và sẽ không phải trả lại số tiền trên do Tổng Công ty đã phát sinh thêm những chi phí khi thực hiện hợp đồng mà các chi phí này sẽ phải do Công ty Lũng Lô chịu.

Tại ngày 30/06/2018, Tổng Công ty - Công ty mẹ đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty - Công ty mẹ sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

**33 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
 Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch trọng yếu phát sinh và số dư trọng yếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ</b>		<b>16.443.706.500</b>	<b>8.742.776.221</b>
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con	2.165.496.409	84.162.262
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20	Công ty con	864.545	7.635.083.569
Công ty CP Licogi 17	Công ty con	9.919.510.044	88.784.912
Công ty CP Tư vấn Licogi	Công ty con	9.648.000	90.545.478
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con	3.019.510.486	844.200.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Công ty con	742.502.470	-
Công ty CP Licogi 12	(*)	520.720.000	-
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty Liên kết	65.454.546	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>-</b>	<b>51.593.522.632</b>
Công ty CP Tư vấn Licogi	Công ty con	-	90.545.478
Công ty CP Licogi 17	Công ty con	-	15.735.567.339
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20	Công ty con	-	34.923.209.815
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con	-	844.200.000
<b>Thu lãi cho vay</b>		<b>9.148.304.849</b>	<b>1.269.903.507</b>
Công ty CP Lắp máy điện nước	Công ty con	-	39.809.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị LICOGI	Công ty con	9.148.304.849	1.230.094.507
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>		<b>68.151.694.001</b>	<b>51.136.964.100</b>
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Công ty con	-	367.920.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con	202.572.000	540.192.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Công ty con	1.529.568.000	5.353.488.000
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con	55.219.400.000	41.414.550.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con	2.563.566.000	3.460.814.100
Công ty CP Tư vấn Licogi	Công ty con	144.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (Licogi 2)	Công ty con	8.134.568.001	-
Công ty CP Licogi 12	(*)	358.020.000	-
<b>Các khoản đi vay</b>		<b>-</b>	<b>167.000.000.000</b>
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn	-	167.000.000.000
<b>Góp vốn đầu tư</b>		<b>28.328.596.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	4.554.760.000	-
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết	23.773.836.000	-



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>3.675.412.295</b>	<b>40.155.351.377</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con	-	2.423.494.526
Công ty CP Licogi 15	Công ty con	-	23.357.058
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây	Công ty con	2.878.620.295	30.540.203.519
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI	Công ty con	-	1.381.840.156
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	-	5.562.456.118
Công ty CP Licogi 12	(*)	796.792.000	224.000.000
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>45.322.971.085</b>	<b>45.429.323.188</b>
Công ty CP Licogi 15	Công ty con	9.848.239.102	9.898.239.102
Công ty CP lắp máy Điện nước	Công ty con	35.474.731.983	31.835.294.509
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết	-	3.695.789.577
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>28.999.643.868</b>	<b>28.999.643.868</b>
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI	Công ty con	27.399.643.868	27.399.643.868
Công ty CP lắp máy Điện nước	Công ty con	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>178.516.233.955</b>	<b>147.437.588.181</b>
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI	Công ty con	167.010.071.144	109.477.706.992
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2	Công ty con	11.506.162.811	37.959.881.189
<b>Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan</b>		<b>24.654.622.771</b>	<b>15.803.724.934</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con	69.910.000	69.910.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Công ty con	72.569.445	72.569.445
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con	9.146.800.000	87.214.001
Công ty CP Licogi 15	Công ty con	1.604.921.118	1.604.921.118
Công ty CP Licogi 17	Công ty con	-	48.480.755
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Công ty con	12.170.990.531	12.093.876.658
Công ty CP Lắp máy Điện nước - Licogi	Công ty con	687.323.852	996.645.132
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	188.694.663	116.694.663
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết	713.413.162	713.413.162
<b>Phải thu cổ phần hóa các công ty con, liên kết</b>		<b>4.545.190.796</b>	<b>4.936.033.343</b>
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Công ty con	916.975.210	916.975.210
Công ty CP Lắp máy Điện nước - Licogi	Công ty con	3.916.293	394.758.840
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết	3.624.299.293	3.624.299.293



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):

<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>155.382.055.544</b>	<b>194.676.622.666</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con	-	4.089.414.917
Công ty CP Tư vấn Licogi	Công ty con	1.414.501.226	1.537.376.023
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Công ty con	60.289.551.959	59.968.090.425
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Công ty con	6.135.818.735	5.319.066.018
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Công ty con	17.785.290.735	18.817.428.402
Công ty CP Licogi 17	Công ty con	42.729.785.379	46.475.320.717
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Công ty con	25.394.207.794	27.541.532.396
Công ty CP Lắp máy Điện nước - Licogi	Công ty con	-	95.562.010
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Công ty con	-	19.975.286.379
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết	1.632.899.716	1.632.899.716
Công ty CP Licogi 12	(*)	-	9.224.645.663
<b>Cổ tức phải thu</b>		<b>14.581.577.100</b>	<b>15.224.510.900</b>
Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Công ty con	1.529.568.000	3.878.559.800
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Công ty con	9.869.729.100	7.306.163.100
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Công ty con	2.207.520.000	2.207.520.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Công ty con	202.572.000	1.418.100.000
Công ty CP Licogi 15	Công ty con	245.181.000	245.181.000
Công ty CP Licogi 17	Công ty con	168.987.000	168.987.000
Công ty CP Licogi 12	(*)	358.020.000	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		<b>75.968.067.531</b>	<b>79.971.962.151</b>
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Công ty con	15.805.008.945	15.805.008.945
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Công ty con	-	4.000.000.000
Công ty CP Licogi 17	Công ty con	144.370.380	148.265.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết	18.688.206	18.688.206
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	Cổ đông lớn	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Chi phí phải trả</b>		<b>40.493.401.114</b>	<b>40.493.401.114</b>
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con	243.317.830	243.317.830
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con	127.981.856	127.981.856
Công ty Cổ phần Licogi 15	Công ty con	7.293.414.590	7.293.414.590
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con	6.109.655.017	6.109.655.017
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - Licogi	Công ty con	26.605.695.182	26.605.695.182
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	Công ty con	113.336.639	113.336.639
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>71.138.730.957</b>	<b>70.540.727.778</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con	71.138.730.957	70.540.727.778

(\*) Từ ngày 08/06/2017, Ông Dương Xuân Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 12.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi,  
Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	112.988.979	103.850.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	515.942.493	1.447.275.000

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



**Trần Thị Thu Hằng**  
Người lập



**Nguyễn Anh Dũng**  
Kế toán trưởng



**Phan Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2018